

Bản số: 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 7 - 2023

V/v Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Hải

Bà Nguyễn Thị Bích Hương.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lô Thị Lệ Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 33/2023/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 13/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Bàn Văn H**, sinh năm 1985(*có mặt*).

Nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị **Lý Thị T**, sinh năm 1985(*vắng mặt lần thứ hai*).

HKTT: Xóm C, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn anh Bàn Văn H trình bày: Anh và chị Lý Thị T kết hôn tháng 11 năm 2010, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh H, sau đó chuyển ra ở riêng nhà nhưng vẫn cùng khuôn nhà bố mẹ đẻ. Đến năm 2018 thì chị T đi làm xa. Chị T chỉ thỉnh thoảng liên lạc với mẹ chồng để hỏi thăm tình hình các con.

Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị T. Theo anh H, chị T đồng ý ly hôn vì chị T nói chuyện với mẹ chồng về việc sẽ không quay về chung sống với anh H nữa.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bàn Sinh Thế A, sinh ngày 05/5/2011 và Bàn Sinh Q, sinh ngày 26/12/2012, hiện hai con đang ở với anh H. Khi ly hôn, anh H có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con vì chị T đi làm xa. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Đối với bị đơn là chị Lý Thị T: Chị T đi làm ăn xa, bố mẹ đều đã chết, anh chị em đều đã lập gia đình riêng, thỉnh thoảng chị T mới gọi điện cho mẹ chồng là bà Triệu Thị Hoa để hỏi thăm các con nên việc tổng đạt trực tiếp các thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án không thực hiện được. Do đó, Tòa án đã nhắn tin tìm kiếm chị Lý Thị T trên báo, đài Trung ương; Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với chị T để thông báo về việc thụ lý vụ án và để chị T đến Tòa án viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên chị T không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, do chị T đang đi làm ăn xa. Tòa án đã lập biên bản làm việc với bà Triệu Thị Hoa – mẹ đẻ của anh H (do bố mẹ đẻ chị T đều đã chết, anh chị em đều lập gia đình riêng) để xác minh tình trạng hôn nhân của anh H – chị T và tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị T.

Tại biên bản làm việc ngày 29/3/2023 bà H1 cung cấp thông tin về tình trạng hôn nhân của anh H – chị T như sau: Anh H - chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu nhau, được cả hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh H và chị T cùng chung sống với nhau tại nhà bà H1 ở xóm C, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên sau đó bà Hoa cho đất để vợ chồng xây nhà ở cạnh nhà bà H1. Năm 2018 chị T đi làm ăn xa, thỉnh thoảng vẫn gọi điện về hỏi thăm các con. Chị T nói với bà Hoa rằng chị sẽ không về chung sống với anh H nữa và để các con cho anh H nuôi. Thực tế, anh H vẫn đang nuôi dưỡng hai con chung của anh H và chị T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, H đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự (nguyên đơn) kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 21, 28, 35, 39, 147, 227, 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị H đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H, cho anh H được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung là Bàn Sinh Thế Anh, sinh ngày 05/5/2011 và Bàn Sinh Quỳnh, sinh ngày 26/12/2012 cho anh Bàn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.
- Về nợ chung: Anh H xác định không có.
- Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho anh H theo quy định của pháp luật do gia đình thuộc diện hộ nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, H đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Bàn Văn H khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là chị Lý Thị T. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo trên báo, đài trung ương, niêm yết hợp lệ cho bị đơn đến Tòa án trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng chị T đều vắng mặt. Tòa án đã Thông báo, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử vụ án, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt chị Lý Thị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bàn Văn H và chị Lý Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, mâu thuẫn vợ chồng là do vợ anh đi làm xa, không quan tâm gia đình, hai người đã sống ly thân được một thời gian. Chị T đi làm ăn xa, không chia sẻ trách nhiệm nuôi con cùng anh H, ảnh hưởng đến kinh tế, hạnh phúc gia đình. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng anh H và chị T sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau và cuộc sống chung. Tại phiên Tòa anh H cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T không có ý kiến gì và cũng không đến Tòa án để giải quyết. H đồng xét xử đã động viên anh H suy nghĩ, xem xét quay về đoàn tụ vợ chồng cùng nuôi dạy con chung nhưng anh H vẫn kiên quyết yêu cầu xin ly hôn do tình cảm vợ chồng với chị T đã hết. Xét thấy anh H và chị T không còn quan tâm chăm sóc nhau, vợ chồng ly thân đã lâu không còn khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của anh H được H đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh Bàn Văn H được ly hôn với chị Lý Thị T.

[3] Về con chung: Anh H xác định vợ chồng có 02 con chung là Bàn Sinh Thế A, sinh ngày 05/5/2011 và Bàn Sinh Q, sinh ngày 26/12/2012. Sau khi ly hôn, anh H có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con vì chị T đi làm ăn xa và không có điều kiện để nuôi con. Xét yêu cầu của anh H, lời trình bày nguyện vọng của cháu A, cháu Q, biên bản xác minh của Tòa án qua về việc hiện tại chị T đang đi làm ăn xa, chị nhường quyền nuôi cả hai con cho anh H. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh H về việc nuôi cả hai con chung để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của

các con cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Không xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con chung do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên H đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc H quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho anh Bàn Văn H do gia đình thuộc diện hộ nghèo.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 174, 177, Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Bàn Văn H, cho anh Bàn Văn H được ly hôn chị Lý Thị T.

[2]. Về con chung: Giao 02 con chung là Bàn Sinh Thế A, sinh ngày 05/5/2011 và Bàn Sinh Q, sinh ngày 26/12/2012 cho anh Bàn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Chị Lý Thị T có quyền và nghĩa vụ chăm sóc và thăm nom con chung, không ai được phép ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

[5]. Án phí: Anh Bàn Văn H được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật do thuộc hộ nghèo.

[6]. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn là anh Bàn Văn H biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là chị Lý Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu VT, HSVA.

**T/M H ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Tuấn

Nguyễn Quang Tuấn